TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **59**/2021/QĐST-VDS	*Châu Thành, ngày 08 tháng 02 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 79/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Đặng Phương Kh, sinh năm 1979;

Cư trú tại: ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2. Chị Trần Thị K, sinh năm 1979;

Cư trú tại: ấp C, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Đặng Phương Kh và chị Trần Thị K tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2006 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do có bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn phù hợp. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ năm 2018 đến nay, hai bên đã sống ly thân. Nay anh Kh và chị K cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận cho anh Kh và chị K thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh Kh và chị K có 02 con chung tên Đặng Thiên A, sinh ngày 20/4/2007 và Đặng Bảo Kh, sinh ngày 02/3/2014. Khi ly hôn hai bên thỏa thuận chị K nuôi con. Anh Kh không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Kh và chị K cùng khai là không có nên Tòa án không xem xét.

[4[Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) anh Kh và chị K phải chịu. Tuy nhiên chị K đồng ý tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí nêu trên.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đặng Phương Kh và chị Trần Thị K.

- Về con chung: Anh Kh và chị K có 02 con chung tên Đặng Thiên A, sinh ngày 20/4/2007 và Đặng Bảo Kh, sinh ngày 02/3/2014. Khi ly hôn chị K được quyền nuôi 02 con chung.

Ghi nhận chị K không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Kh và chị K cùng khai là không có nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) anh Kh và chị K phải chịu. Chị K tự nguyện nộp toàn bộ số tiền lệ phí nêu trên nhưng chị K thỏa thuận trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004913 ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị K đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAT (Phòng kiểm tra);
- UBND xã B;
-Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN
(Đã ký tên và đóng dấu)

Phan Thị Mỹ Hạnh